

Viet Nam

THS. HAI VAN DUNG

Giờ nhìn cửa các

Tháng 3 năm 2007, Cơ quan Ngoại thông Nhật Bản (JETRO) đã đưa ra bản báo cáo hành giá về các ngành kinh doanh và môi trường kinh doanh ở Việt Nam và các nước Châu Á khác dựa trên cơ sở bản câu hỏi hành giá gửi cho 2.537 doanh nghiệp Nhật, thành viên của Jetro hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất, thông mại và kinh doanh. Cuộc khảo sát kéo dài từ ngày 20 tháng 11 năm 2006 đến ngày 13 tháng 12 năm 2006. Có 729 doanh nghiệp gửi bản trả lời, trong số đó có 524 doanh nghiệp đang có cơ sở sản xuất ở ngoài lãnh thổ Nhật Bản. Kết quả cuộc điều tra cho thấy các nhà đầu tư Nhật quan tâm nhiều đến kế hoạch môi trường sản xuất, đầu tư trực tiếp, chuyển dịch đầu tư và các khoản đầu tư thông qua.

Nội dung về kế hoạch môi trường sản xuất trong vòng 3 năm 2007-2010

Trong lĩnh vực môi trường sản xuất kinh doanh, đặc biệt là sản xuất hàng công nghiệp thì trung bình, Việt Nam cùng Ách Ñoã ñã ñi tiên tiến nhất trong các nước trong năm 2006.

Trong số các doanh nghiệp trả lời ở cuối cuộc khảo sát năm 2006, chỉ có 10,7% doanh nghiệp có kế hoạch môi trường hoạt động tại Việt Nam, so với các quốc gia và vùng lãnh thổ khác còn số này ở mức trung bình. Trung Quốc

đang ở mức 56,4%, kế tiếp là Hoa Kỳ và các quốc gia Tây Âu. So với các quốc gia trong khu vực, Việt Nam đứng thứ 2 chỉ sau Thái Lan. Khi so sánh với cuộc khảo sát năm 2005, Việt Nam đứng thứ 4 cùng Ách Ñoã với mức tăng 2,3% (nhỏ hơn chút ít so với mức tăng của Malaysia). Hai khu vực có mức tăng cao nhất là Brazil và Tây Âu. Nhờ vậy trong số 5 khu vực có tỷ lệ cao nhất mà các doanh nghiệp Nhật có ý định môi trường sản xuất đầu tư tới 3 thị trường đang phát triển.

Trong lĩnh vực sản xuất hàng hóa giá rẻ thì trung bình,

cùng với Hoa Kỳ và Ách Ñoã so với bản báo cáo năm 2006, Việt Nam là quốc gia nước các công ty Nhật quan tâm nhiều hơn nếu tiến hành môi trường sản xuất. Số công ty tăng thêm quan tâm tới vấn đề này là 3,2%, tổng cộng với con số của thị trường Hoa Kỳ và Ách Ñoã Trong năm 2006, có 8,4% doanh nghiệp có ý định môi trường hoạt động ở lĩnh vực này ở Việt Nam, đứng ở vị trí thứ 3 sau Trung Quốc và Thái Lan. Nhiều nhà đầu tư ở Việt Nam, Việt Nam vẫn là nơi phù hợp nhất để tiến hành sản xuất các mặt hàng thuộc chủng loại này. Cũng ở lĩnh vực sản xuất hàng này những nhà đầu tư có chất lượng và giá cả cao thì tỷ lệ số lượng doanh nghiệp có ý định môi trường sản xuất ở Việt Nam thấp so với các quốc gia khác như Trung Quốc hay Hoa Kỳ những tỷ lệ này xếp hạng thứ 2 trong khu vực, chỉ đứng sau Thái Lan. So với cuộc khảo sát năm 2005 thì tỷ lệ này tăng 1,7% (mức tăng cao nhất trong số các quốc gia trong khu vực). Nhờ vậy, các nhà đầu tư Nhật Bản không những có ý định môi trường sản xuất ở lĩnh vực hàng giá rẻ mà còn quan tâm đến việc sản xuất hàng có chất lượng và giá cả cao tại thị trường Việt Nam.

BẢNG 1. KẾ HOẠCH MÔI TRƯỜNG SẢN XUẤT CỦA CÁC CÔNG TY NHẬT (TRONG 3 NĂM TỚI) Ở CÁC QUỐC GIA VÀ VÙNG LÃNH THỔ

Đơn vị: %

Quốc gia	Khảo sát năm 2006						% thay đổi so với năm 2005					
	Tỷ lệ DN hoạt động	SX hàng giá rẻ TB	SX hàng giá cao	Chi phí R&D ban đầu	Chi phí R&D cho sản phẩm môi	Chi phí R&D cho nhà máy	Tỷ lệ DN hoạt động	SX hàng giá rẻ TB	SX hàng giá cao	Chi phí R&D ban đầu	Chi phí R&D cho sản phẩm môi	Chi phí R&D cho nhà máy
Trung Quốc	56,4	33,5	20,5	3,1	7,3	11,7	-1,8	-3,1	5,2	1,0	-0,9	-1,1
Hàn Quốc	14,0	3,6	2,9	0,8	1,5	1,9	1,7	0,7	1,8	0,8	0,9	-0,6
Singapore	6,7	0,6	0,6	0,0	0,6	0,8	-1,5	-0,4	0,4	0,0	0,0	0,4
Thái Lan	18,0	11,5	6,5	1,3	2,7	3,4	0,6	-2,7	-0,4	0,0	-1,5	-1,6
Malaysia	7,1	3,4	1,7	0,2	1,0	1,3	2,5	1,1	1,1	0,2	0,2	-0,2
Indonesia	5,9	3,8	1,7	0,0	0,4	0,8	-1,6	-0,8	0,2	0,0	-0,6	-0,5
Philippines	2,5	2,1	0,2	0,0	0,0	1,0	-0,2	0,0	0,2	0,0	-0,4	0,6
Việt Nam	10,7	8,4	2,7	0,4	0,8	0,8	2,3	3,2	1,7	0,4	0,4	0,4
Ách Ñoã	15,5	5,7	1,7	0,4	0,8	1,7	2,3	3,4	0,9	0,4	0,4	0,7
Mỹ	27,7	7,8	5,3	1,3	4,8	4,0	1,8	3,2	1,5	-1,0	1,0	-2,9
Brazil	6,1	1,3	0,8	0,0	0,2	0,8	3,2	-0,2	0,6	-0,2	-0,6	0,2
Tây Âu	19,9	4,0	5,7	1,5	3,1	2,7	2,9	0,7	2,6	-0,6	-0,7	-1,9

Nguồn: Cơ quan Ngoại thông Nhật Bản (2007)

nhà đầu tư Nhật Bản



BẢNG 2: NHÀ ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA NHẬT BẢN VÀO VIỆT NAM, TRUNG QUỐC, THÁI LAN VÀ AN NÔ

Đơn vị: Triệu USD

Năm	Việt Nam		Trung Quốc		Thái Lan		An Nô	
	Giá trị	% tăng	Giá trị	% tăng	Giá trị	% tăng	Giá trị	% tăng
2001	163	101,2	4.348	49,1	1.877	n/a	221,5	-3,4
2002	102	-37,4	4.190	-3,6	894	-52,4	412,6	86,3
2003	100	-2,0	5.054	20,6	2.353	163,2	94,4	-77,1
2004	224	124,0	5.452	7,9	3.131	33,1	116,0	22,9
2005	437	95,1	6.530	19,8	4.271	36,4	168,3	45,1
2006	1.056	141,6	4.598	-29,6	3.041	-28,8	111,8	-33,6

Nguồn: Cơ quan Ngoại thông Nhật Bản (2007)

Khai thác chi phí danh cho nghiên cứu và phát triển (R&D) cho thấy có khả năng doanh nghiệp Nhật quan tâm đến chi phí R&D ban đầu ở Việt Nam. Tỷ lệ cao nhất doanh nghiệp có ý định đầu tư thêm ở lĩnh vực này là ở Trung Quốc với 3,1%, còn lại Indonesia, Philippines và Brazil là 0%. Các công ty Nhật cũng chưa quan tâm đến việc tăng

nhà đầu tư cho việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới tại Việt Nam. Việc này cũng xảy ra ở lĩnh vực chế biến thực phẩm và phát triển cho vận tải hàng không. Tỷ lệ doanh nghiệp có ý định mở rộng lĩnh vực này ở Việt Nam chỉ là 0,8%, tăng 0,4% so với cuộc khảo sát trước đây. Trong khu vực Đông Nam Á, Thái Lan là quốc gia được quan tâm nhiều

nhà đầu tư nhất, với tỷ lệ tăng 3,4%. Nhiều nhà đầu tư của các công ty Nhật đang đầu tư hoặc có ý định đầu tư tại các quốc gia trên khai thác lợi thế về những sản phẩm hiện có trên thị trường của họ.

Sở dĩ thay đổi trong tỷ lệ các công ty Nhật có ý định đầu tư vào Việt Nam trong 2 năm 2005 và 2006 này cho thấy các quốc gia đang có phát triển với thị trường rộng lớn như Trung Quốc, Ấn Độ và một phần nào đó là Việt Nam đang là một quan tâm hàng đầu của các nhà đầu tư Nhật Bản. Trong bảng xếp hạng trên, Việt Nam là quốc gia duy nhất xuất hiện trong các tiêu chí với vị trí thấp nhất là vị trí thứ 4. Điều này cho thấy rằng, so với năm 2005 thì trong kế hoạch môi trường sản xuất của các công ty Nhật, Việt Nam đã trở thành một môi trường đầu tư hấp dẫn hơn. Nhiều nhà đầu tư Nhật nhìn thấy cơ hội kinh doanh tốt tại thị trường này cũng nhờ thiết lập cơ sở sản xuất kinh doanh. Đây là tín hiệu lạc quan cho việc thu hút đầu tư từ Nhật trong tương lai gần của Việt Nam.

Năm 2002 và 2003, nguồn vốn đầu tư trực tiếp (FDI) của Nhật vào Việt Nam giảm sút với tốc độ giảm sút là -37,4% và -2% và đã phục hồi mạnh mẽ trong 3 năm trở lại đây. Từ năm 2004, FDI của Nhật tăng thêm khoảng 100% mỗi năm, đặc biệt trong năm 2006 tăng thêm 141,6%. Trong số 4 quốc gia châu Á mà Nhật Bản đầu tư trực tiếp nhiều nhất, chỉ có Việt Nam là có lợi nhuận đầu tư gia tăng trong năm qua, còn 3 quốc gia còn lại đều giảm xuống. Trong khi Việt Nam có số gia tăng lớn (từ 437 triệu USD lên 1.056 triệu USD) thì tại Trung Quốc và Thái Lan đã có số lợi nhuận giảm mạnh (Trung Quốc là từ 6.530 triệu USD xuống còn 4.598 triệu USD và Thái Lan là từ 4.271 triệu USD xuống còn 3.041 triệu USD).

Dịch chuyển cơ sở sản xuất của Nhật Bản giữa các quốc gia vùng lãnh thổ

Sở dĩ dịch chuyển của các cơ sở sản xuất vào nhà máy của Nhật từ quốc gia này sang quốc gia khác nước khác mất trong 3 năm qua.

Do Trung Quốc vẫn là nơi mà doanh nghiệp Nhật đầu tư nhiều nhất nên trong thời gian qua vẫn có nhiều cơ sở sản xuất đã chuyển từ Nhật Bản sang Trung Quốc (91 cơ sở). Nội với Việt Nam, có 9 cơ sở đã chuyển từ Trung Quốc và 7 cơ sở chuyển từ Nhật Bản nên. Tỷ lệ số doanh nghiệp dịch chuyển từ Trung Quốc sang Việt Nam chiếm 1/3 trong tổng số các cơ sở sản xuất và các nhà máy này chủ yếu sản xuất hàng giá rẻ nên trung bình. Lý do chủ yếu mà các doanh nghiệp đưa ra là số gia tăng của chi phí sản xuất và chi phí nhân công ở Trung Quốc và dịch chuyển sẽ làm giảm rủi ro do nhiều doanh nghiệp trong cùng quốc gia.

Ngoài ra, số lượng cơ sở sản xuất dịch chuyển từ Nhật Bản sang nước ta cũng đang quan tâm. Có tất cả 7 doanh nghiệp Nhật Bản (2,9%) đã chuyển cơ sở sản xuất sang Việt Nam. Nhờ vậy từ bảng 3, trong số 6 nhà máy mà các doanh nghiệp chuyển nên đã có tới 2 số lựa chọn danh cho Việt Nam.

Những khó khăn chính yếu

Tại Việt Nam, các doanh nghiệp Nhật thường gặp khó khăn trong các vấn đề như hai tầng kiểm phát triển, hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện và thủ tục hành chính rườm rà các ngành công nghiệp phải trả không đáp ứng nhu cầu nhà đầu tư...

Lĩnh vực mà các nhà đầu tư Nhật gặp nhiều khó khăn nhất khi đầu tư vào Việt Nam là vấn đề kiểm phát triển của cơ sở hai tầng. Có đến 47,9% số doanh



Hoạt động sản xuất tại Công ty Cơphan Dây Cáp điện Thành Phát

BẢNG 3: SỞ DỊCH CHUYỂN CỦA CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT NHẬT BẢN

Tổ	Nền	Số cơ sở	Tỷ lệ (%)
Nhật Bản	Trung Quốc	91	37,4
Nhật Bản	Thái Lan	22	9,1
Nhật Bản	Malaysia	9	3,7
Trung Quốc	Việt Nam	9	3,7
Nhật Bản	Hàn Quốc	8	3,3
Nhật Bản	Việt Nam	7	2,9

Nguồn: Cơ quan Ngoại thông Nhật Bản (2007)

BẢNG 4: CÁC VẤN ĐỀ KHÓ KHĂN KHI CÁC DOANH NGHIỆP NHẬT BẢN ĐẦU TƯ VÀO VIỆT NAM

Xếp hạng	Hai tầng kiểm phát triển		Hệ thống pháp luật và thủ tục hành chính chưa hoàn thiện		Số yêu cầu của các ngành công nghiệp phải trả		Vấn đề quyền sở hữu trí tuệ	
	Quốc gia	Tỷ lệ (%)	Quốc gia	Tỷ lệ (%)	Quốc gia	Tỷ lệ (%)	Quốc gia	Tỷ lệ (%)
1	Án Độ	57,2	Trung Quốc	59,9	Việt Nam	31,4	Trung Quốc	59,2
2	Việt Nam	47,9	Án Độ	35,3	Philippines	20,9	Án Độ	13,9
3	Philippines	32,2	Việt Nam	32,2	Án Độ	18,4	Việt Nam	11,9
4	Indonesia	29,8	Indonesia	28,2	Indonesia	15,1	Indonesia	9,2
5	Trung Quốc	21,6	Philippines	13,0	Malaysia	12,7	Việt Nam	9,0

Nguồn: Cơ quan Ngoại thông Nhật Bản (2007)

nh nghiệp Nhật Bản hoạt động tại Việt Nam gặp khó khăn với vấn đề này. Trong lĩnh vực này, Việt Nam xếp hạng sau Ấn Độ (57,2%) trong bảng xếp hạng. Hai vấn đề khó khăn tiếp theo nối với các doanh nghiệp này chính là hệ thống pháp luật và thủ tục hành chính chưa hoàn thiện và Việt Nam thiếu các ngành công nghiệp phải trả, cung cấp các yếu

tố đầu tư tại chỗ cho doanh nghiệp. Có 32,2% số doanh nghiệp cho rằng hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện và thủ tục hành chính còn nhiều phức tạp tạo ra số khó khăn trong hoạt động của doanh nghiệp. So với các nước khác thì trong vấn đề này Việt Nam xếp thứ 3 sau Trung Quốc và Ấn Độ. Trong khi đó chỉ có 31,4% số doanh nghiệp

Nhất Bản coi hoạt động tại Việt Nam cho rằng các ngành công nghiệp mũi nhọn của Việt Nam còn kém phát triển, chưa hấp ứng được nhu cầu của các nhà đầu tư. Trong tiêu chí này thì Việt Nam xếp hạng thấp. Xếp sau Việt Nam về môi trường kinh doanh là các quốc gia khác trong khu vực như Philippines, Indonesia và Malaysia. Các doanh nghiệp Nhật còn quan tâm đến vấn đề quyền sở hữu trí tuệ. Theo họ, thì vấn đề này ở Việt Nam chưa được quan tâm như ở Trung Quốc và Anh. Tuy nhiên về lâu dài này cũng là một yếu tố ngăn trở các nhà đầu tư Nhật đến với Việt Nam.

Nhìn chung, bản điều tra cho thấy những hạn chế của các nhà đầu tư Nhật Bản về môi trường đầu tư của Việt Nam và các quốc gia châu Á khác. Theo nội dung điều tra thì Việt Nam hiện nay đang thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư Nhật Bản thông qua vấn đề môi trường đầu tư, sự gia tăng nguồn vốn FDI trong các năm gần đây, hay thông qua sự chuyển dịch các cơ sở sản xuất từ các quốc gia khác vào Việt Nam. Đây là dấu hiệu đáng mừng cho nền kinh tế nước ta khi nhận được sự quan tâm của các nhà đầu tư. Bên cạnh nội dung bản báo cáo này cũng nêu ra những khó khăn chính mà các nhà đầu tư Nhật Bản thường gặp khi đầu tư vào Việt Nam. Đó là nội dung thể hiện thấy những tồn tại của môi trường đầu tư Việt Nam và một số những điểm cần chỉnh sửa để môi trường đầu tư Việt Nam có thể hấp ứng được nhu cầu của các nhà đầu tư.

Giai pháp thu hút các nhà đầu tư nước ngoài khác

Trước hết, chúng ta cần hoàn thiện hành lang pháp lý cho hoạt động sản xuất kinh doanh và hạn chế thủ tục hành chính. Việc tiếp tục cải cách thủ tục hành chính theo hướng một cửa ở Trung ương hoặc ở địa phương

seita nhiều kiến thuận lợi cho nhà đầu tư. Đầu tiên cần phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý FDI của Trung ương và địa phương, phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng cơ quan trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh. Sau nội dung cải tiến mạnh mẽ theo hướng đơn giản hóa trong việc cấp phép cho nhà đầu tư và môi trường pháp lý các doanh nghiệp nước ngoài cấp phép đầu tư. Hệ thống pháp luật và cơ chế chính sách phải theo hướng ngày càng thông thoáng, hấp dẫn những vấn đề pháp lý chặt chẽ và phù hợp với thông lệ quốc tế. Ngoài ra, vấn đề xây dựng các ngành công nghiệp mũi nhọn và đầu tư phát triển hai tầng hấp ứng tốt hơn nhu cầu của các nhà đầu tư cũng cần được quan tâm. Hiện nay các ngành công nghiệp mũi nhọn cung cấp các sản phẩm đầu vào cho nhà đầu tư nước ngoài còn thiếu và yếu. Chính vì vậy Nhà nước cần coi chính sách phát triển các doanh nghiệp này thông qua các kênh hỗ trợ tài chính, tổ chức kỹ thuật và các ưu đãi khác về thuế. Bên cạnh nội dung dịch vụ hỗ trợ cho nhà đầu tư nước ngoài ở Việt Nam hiện nay còn có một số hạn chế như sau: Một là thời gian gần đây các dịch vụ này hầu như chỉ thiên về nhiều song vấn đề chi phí chi trả so với các nước trong khu vực, nhất là trong lĩnh vực năng lượng, giao thông, viễn thông và cơ sở hạ tầng thông tin. Giá các yếu tố sản xuất đầu vào như: điện, nước, viễn thông, giá thuê mặt bằng... của ta còn rất cao so với khu vực cũng như vấn đề giảm chi phí chính viễn thông, tiền thuê đất, tăng thêm các ưu đãi về thuế và tài chính.

Theo các chuyên gia về sở hữu trí tuệ thì Luật Sở hữu Trí tuệ (có hiệu lực từ 1-7-2006) đã tạo hành lang pháp lý cao nhất bảo vệ tài sản quyền tinh thần của các nhà đầu tư. Trong tương lai, cần coi những luật riêng và cụ thể về nhiều ngành tổng hợp để tạo môi trường

Luật Sáng chế Luật Sở hữu nhân quyền. Việc hoàn thiện hệ thống pháp luật và các biện pháp chế tài về sở hữu trí tuệ cần được xem như là một phần của chiến lược nhất là ra đời những thành tựu ngay càng tăng trong quá trình quốc tế hóa và vai trò ngày càng quan trọng của sở hữu trí tuệ trong môi trường phát triển của nền kinh tế. Song song nội dung vấn đề quan trọng cần thực hiện là công tác kiểm tra, xử lý các vụ việc vi phạm phải được tiến hành một cách triệt để nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các trường hợp xảy ra. Còn nữa vậy môi trường đầu tư thông tin cho các nhà đầu tư.

Ngoài ra, một số biện pháp nâng đỡ khác liên quan cải cách hệ thống tài chính và chính sách tiền tệ tăng cường đầu tư năng cao chất lượng nguồn nhân lực hay giáo dục y tế để làm việc chuyên nghiệp cho nhà đầu tư nước ngoài cũng cần được thực hiện nâng đỡ nhằm thu hút vốn đầu tư và quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. JETRO releases its latest survey of Japanese manufacturers in Asia - JETRO – April 2007.
2. FY2006 Survey of Japanese Firms' International Operations- Japan External Trade Organization (JETRO) - March 2007.
3. 2006 JETRO white paper on international trade and Foreign Direct Investment - JETRO - 2007.
4. FY2005 Survey of Japanese Firms' International Operations- Japan External Trade Organization (JETRO) - March 2006.
5. Các giải pháp thu hút nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam – <http://www.moi.gov.vn/BForum/detail.asp?Cat=14&id=580> truy cập ngày 22/04/2007
6. Quyết sách đổi mới “thắt cổ chai” nội địa nhập khẩu – www.vov.org.vn truy cập ngày 22/04/2007.